

**UNIT 9**  
**AT HOME AND AWAY**

**B. NEIGHBORS**

**I. Điền vào mỗi chỗ trống một chữ cái để tạo thành từ đúng.**

Ex: n \_ gh \_ r

neighbor

1. h \_ rd \_ e \_ er

3. dr \_ sm \_ k \_ r

5. h \_ bb \_

2. m \_ ter \_ \_ l

4. Sk \_ \_ t

6. c \_ sh \_ \_ n

**II. Hoàn tất các câu, dùng dạng quá khứ của các động từ trong khung.**

cut	fit	buy	sew	decide	learn	watch	make	wear
-----	-----	-----	-----	--------	-------	-------	------	------

1. Hoa \_\_\_\_\_ how to use a sewing machine.

2. She \_\_\_\_\_ some material and \_\_\_\_\_ a cushion for her

3. Hoa's aunt \_\_\_\_\_ Hoa's hair short.

4. She \_\_\_\_\_ all her own clothes.

5. He \_\_\_\_\_ to tell her the truth.

6. I \_\_\_\_\_ an exciting football match on TV last night.

7. Linda \_\_\_\_\_ a long red dress to the party.

8. The uniform \_\_\_\_\_ her very well.

**III. Sắp xếp các động từ sau đây vào các hàng / id / /t/ /d/ theo cách phát âm -ed.**

wanted, played, helped, fitted, liked, watched, visited, looked, needed, remembered, stopped, talked, rented, missed, studied, started, used, learned

/d/ \_\_\_\_\_

/t/ \_\_\_\_\_

/id/ \_\_\_\_\_

**IV. Chia các động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn (present simple tense) hoặc quá khứ đơn (past simple tense).**

Mr. Tam (be) \_\_\_\_\_ a teacher. Two years ago, he (teach) \_\_\_\_\_ math at a secondary school in the country. But now he (teach) \_\_\_\_\_ at a high school in the city.

Every day, Mr. Tam (get) \_\_\_\_\_ up at half past five. After his morning exercises, he (take) \_\_\_\_\_ bath and (have) \_\_\_\_\_ breakfast with his wife. Then he (leave) \_\_\_\_\_ home for school at a quarter to seven.

Yesterday (be) \_\_\_\_\_ Sunday. Mr. Tam (not go) \_\_\_\_\_ to school. He and his wife (visit) \_\_\_\_\_ his parents in the countryside. He (buy) \_\_\_\_\_ them lots of presents. Mr. Tam and his wife (spend) \_\_\_\_\_ their day off with their parents. They (return) \_\_\_\_\_ home at 9.30 in the evening.

**V. Viết câu phủ định và nghi vấn.**

Ex: He watched TV last night.

He didn't watch TV last night.

Did he watch TV last night?

1. My father decorated the Christmas tree.

2. She bought a new dress yesterday.

3. They were late for school.

4. Mr. Tam took his children to the museum last Sunday.

5. Hoa made a cushion for her armchair.

6. They painted their house yellow.

7. This dress was fit.

8. I saw her two days ago.

#### VI. Đặt câu hỏi cho các từ được gạch dưới.

Ex: They went to Tri Nguyen Aquarium yesterday. (Where?)

*Where did they go yesterday?*

1. Her mother gave her a blue dress. (What?)

2. I went to Nha Trane last summer vacation. (When?)

3. Mrs. Robinson put the poster on the wall. (Where?)

4. The dress looked very nice. (How?)

5. We arrived home at 7.30. (What time?)

6. Ba spoke about his vacation. (Who?)

7. He taught English at the high school. (What?)

8. They saw her three months ago. (When?)

**VII. Hoàn tất đoạn hội thoại, dùng các từ cho sẵn trong khung.**

how	do	useful	did	what	on	small	was	fitted	make
-----	----	--------	-----	------	----	-------	-----	--------	------

Lan : Oh. (1) \_\_\_\_\_ a nice skirt! Did you (2) \_\_\_\_\_ it yourself?

Hoa : Yes, I (3) \_\_\_\_\_. I made it three days ago. But when I tried it (4) \_\_\_\_\_, it didn't fit.

Lan : What (5) \_\_\_\_\_ the problem with it?

Hoa : It was too (6) \_\_\_\_\_.

Lan : What did you (7) \_\_\_\_\_ then?

Hoa : My neighbor, Mrs Mai, helped me and then it (8) \_\_\_\_\_ very well.

Lan : (9) \_\_\_\_\_ clever you are!

Hoa : Well, I like sewing. I think it's an (10) \_\_\_\_\_ hobby